

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 – 36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Xuân Vương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Chí Linh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Minh Điềm	Thành viên
Ông Trương Đức Vọng	Thành viên
Ông Ngô Tân Long	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Chí Linh	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy Anh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Chí Linh

Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 8 năm 2015

0-0
HÀNH
S TY
M HƯ
IT
NAI
HỒ

Số: 117 /VNIA-HC- BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và công ty con (Công ty mẹ và công ty con sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 21 tháng 8 năm 2015 từ trang 4 đến trang 36. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 21 tháng 8 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Bùi Quốc Anh
Kiểm toán viên
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2133-2013-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
				(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		329.593.439.780	322.445.326.250
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	46.484.809.733	39.832.503.811
1. Tiền	111		27.984.809.733	17.832.503.811
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.500.000.000	22.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	7.113.266.430	7.113.266.430
1. Chứng khoán kinh doanh	121		10.100.000.000	10.100.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.986.733.570)	(2.986.733.570)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.274.471.042	64.319.092.383
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		85.756.730.612	60.329.757.229
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.604.118.558	3.481.859.440
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7a	3.119.300.956	1.449.323.950
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.205.679.084)	(941.848.236)
IV. Hàng tồn kho	140		181.019.306.748	207.011.423.441
1. Hàng tồn kho	141	9	181.019.306.748	207.011.423.441
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.701.585.827	4.169.040.185
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.574.701.689	327.459.045
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	10a	2.104.593.883	3.750.536.574
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10a	22.290.255	91.044.566
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		205.409.481.271	210.600.036.560
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		250.000.000	250.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7b	250.000.000	250.000.000
II. Tài sản cố định	220		187.289.605.816	192.546.774.882
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	168.057.236.652	173.057.888.234
- Nguyên giá	222		326.159.643.257	318.728.298.210
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(158.102.406.605)	(145.670.409.976)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	19.232.369.164	19.488.886.648
- Nguyên giá	228		21.071.968.802	21.071.968.802
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.839.599.638)	(1.583.082.154)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		113.029.351	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		113.029.351	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		16.612.857.878	16.509.789.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	13	6.422.857.878	6.319.789.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	10.190.000.000	10.190.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.143.988.226	1.293.472.678
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	100.000.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	1.143.988.226	1.193.472.678
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		535.002.921.051	533.045.362.810

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 01a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
				(Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		118.025.079.443	143.265.205.431
I. Nợ ngắn hạn	310		113.255.144.692	138.359.717.680
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	30.809.956.476	19.967.649.414
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		257.035.193	12.263.312.929
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10b	7.929.339.880	8.176.988.872
4. Phải trả người lao động	314		31.903.382.988	24.179.844.496
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	15.094.849.755	2.764.075.510
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.879.009.228	28.417.413.645
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	15.731.269.840	29.778.271.482
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	7.650.301.332	12.812.161.332
II. Nợ dài hạn	330		4.769.934.751	4.905.487.751
1. Phải trả dài hạn khác	337		116.100.000	170.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		4.653.834.751	4.735.487.751
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		416.977.841.608	389.780.157.379
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	416.977.841.608	389.780.157.379
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192.851.020.000	192.851.020.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192.851.020.000	192.851.020.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.658.370.783	8.658.370.783
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		144.781.707.755	144.781.707.755
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		70.686.743.070	43.489.058.841
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	421a		30.632.574.841	21.833.576.534
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		40.054.168.229	21.655.482.307
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		535.002.921.051	533.045.362.810



Hồ Thị Hải Vân
Người lập



Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng






Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 02a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015	Từ 01/01/2014
			đến 30/6/2015	đến 30/6/2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	358.519.765.986	336.170.899.925
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	447.060.323	325.825.186
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	358.072.705.663	335.845.074.739
4. Giá vốn hàng bán	11	25	186.061.926.109	179.243.500.931
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		172.010.779.554	156.601.573.808
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	815.072.783	693.825.436
7. Chi phí tài chính	22	28	3.738.607.361	2.954.888.049
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>552.418.059</i>	<i>1.802.965.648</i>
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		103.068.878	6.092.240
9. Chi phí bán hàng	25	29	86.237.301.821	83.406.400.971
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	31.106.080.901	25.289.381.042
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		51.846.931.132	45.650.821.422
12. Thu nhập khác	31	30	334.718.186	1.157.710.283
13. Chi phí khác	32	30	32.096.621	47.458.654
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	30	302.621.565	1.110.251.629
15. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		52.149.552.697	46.761.073.051
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	12.047.713.204	10.918.854.003
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	49.484.452	73.652.350
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		40.052.355.041	35.768.566.698
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.869	1.672



Hồ Thị Hải Vân
Người lập



Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng





Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU B 03a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	52.149.552.697	46.761.073.051
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.688.514.113	12.545.607.789
Các khoản dự phòng (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỉ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	03	263.830.848	(507.910.030)
(Lãi)/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	04	102.060.873	343.249.495
Chi phí lãi vay	05	(878.865.058)	(699.917.676)
	06	552.418.059	1.802.965.648
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	64.877.511.532	60.245.068.277
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(26.764.443.174)	(12.081.724.786)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	25.767.487.342	5.831.071.892
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	19.696.165.171	14.255.466.209
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.147.242.644)	(1.156.340.392)
Tiền lãi vay đã trả	14	(552.418.059)	(1.908.372.579)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.121.924.478)	(19.807.219.777)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.056.000.000	52.400.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.989.750.332)	(4.898.306.610)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	64.821.385.358	40.532.042.234
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.592.245.347)	(7.364.154.976)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	775.796.180	1.104.520.063
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.816.449.167)	(6.259.634.913)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(1.003.000.000)
2. Tiền thu từ đi vay	33	31.549.097.176	75.934.906.953
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(45.698.011.018)	(94.885.323.182)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(38.203.771.600)	(19.124.905.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(52.352.685.442)	(39.078.321.929)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	6.652.250.749	(4.805.914.608)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	39.832.503.811	27.816.134.180
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	55.173	952.962
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	46.484.809.733	23.011.172.534

Hồ Thị Hải Vân
Người lập

Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng

Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 36 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

509
NHÀ
VỐ T
TIỆM H
OIT
NA
HỒ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty bao gồm Công ty mẹ và một Công ty con, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 26 (là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam - Bộ Y Tế có Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 102652 do Trọng tài Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 5 năm 1993) theo Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 08 tháng 02 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, Công ty mẹ đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000893 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 3 năm 2002 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hiện nay, Công ty mẹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 12, số 0302560110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 6 năm 2012.

Cổ phiếu của Công ty mẹ được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 113/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20 tháng 10 năm 2008 với mã chứng khoán là OPC.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại Số 1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam. Nhà máy của Công ty mẹ đặt tại số 09/ĐX 04 - TH, Tõ 7, Ấp Tân Hoá, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ là sản xuất dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.

Công ty con

Công ty TNHH MTV Dược phẩm OPC Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty con”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4604000067 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 11 tháng 6 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi lần 04, số 3700806295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 29 tháng 7 năm 2014.

Nhà máy của Công ty con đặt tại Ấp Tân Hoá, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, CHXHCN Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con là trồng cây dược liệu, sản xuất thực phẩm chức năng, sản xuất rượu mạnh, mỹ phẩm, sản xuất hóa dược phẩm, hóa dược, thương mại, dịch vụ và bất động sản.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Vốn góp của Công ty mẹ tại Công ty con là 15.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 100% quyền sở hữu và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 771 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 762 người).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có các Công ty liên kết và Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu%	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
<u>Công ty liên kết:</u>				
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	40%	40%	Khai thác, mua bán, nuôi trồng cây dược liệu, sản xuất cao dược liệu và các sản phẩm chức năng
<u>Hợp đồng hợp tác kinh doanh</u>				
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Phát triển Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiện Kiều - Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc	Trung Quốc	50%	50%	Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thuốc trị sốt rét CV ARTECAN và các sản phẩm đông dược khác

a. Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang

Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang (gọi tắt là "OPC Bắc Giang") được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 24004498591 ngày 19 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 15.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của OPC Bắc Giang, Công ty nắm giữ 40% vốn điều lệ của OPC Bắc Giang.

b. Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Phát triển Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiện Kiều - Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc (gọi tắt là "Kiện Kiều")

Thể hiện khoản vốn góp tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Kiện Kiều ký ngày 24 tháng 4 năm 2012 với thời hạn hoạt động là 10 năm tương ứng với thời gian hoạt động trên giấy phép đầu tư. Theo hợp đồng, mỗi bên sẽ góp 50% vốn và lợi nhuận thuần của quá trình thực hiện hợp đồng này sẽ được chia cho hai bên theo tỷ lệ góp vốn.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Chi nhánh phụ thuộc:

- Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm OPC - Cửa hàng giới thiệu và KD Dược phẩm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Hà Nội
- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Cần Thơ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Nha Trang
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Nghệ An
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC
- Chi nhánh Miền Đông - Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại và trình bày lại nhằm mục đích để phù hợp với việc so sánh do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

12.000
HI NH
CÔNG
H NHIỆP
ELOI
IỆT I
- TP.1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất có thời hạn và không có thời hạn và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian năm năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ, chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí đầu tư thuê mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và cũng không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được hạch toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả, phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	11.408.870.616	1.568.481.176
Tiền gửi ngân hàng	16.575.939.117	16.264.022.635
Các khoản tương đương tiền	18.500.000.000	22.000.000.000
	<u>46.484.809.733</u>	<u>39.832.503.811</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 thể hiện tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 4,4% đến 5,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5%/năm).

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chứng khoán kinh doanh				
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Con Hồ Việt Nam	10.100.000.000	(2.986.733.570)	10.100.000.000	(2.986.733.570)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7. PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn	3.119.300.956	1.449.323.950
Phải thu người lao động	1.871.202.355	404.944.750
Ký cược, ký quỹ	630.548.974	664.281.158
Khoản phải thu từ Bảo hiểm xã hội	40.159.524	338.455.085
Phải thu khác	577.390.103	41.642.957
b. Dài hạn	250.000.000	250.000.000
Phải thu khác (*)	250.000.000	250.000.000
	<u>3.369.300.956</u>	<u>1.699.323.950</u>

(*) Phải thu dài hạn khác thể hiện khoản vốn góp tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Phát triển Khoa học Kỹ thuật Y Dược Kiên Kiên – Thành phố Quảng Châu, Trung Quốc (“Kiên Kiên”) ký ngày 24 tháng 4 năm 2012 với thời hạn hoạt động là 10 năm tương ứng với thời gian hoạt động trên giấy phép đầu tư. Theo hợp đồng, mỗi bên góp 50% vốn và lợi nhuận thuần của quá trình thực hiện hợp đồng này sẽ được chia cho hai bên theo tỷ lệ góp vốn.

8. NỢ XẤU

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH Nakornluang	277.122.830	-	277.122.830	-
Nhà Thuốc Huỳnh Anh - Tỉnh Bình Dương	151.218.336	-	151.218.336	-
Công ty TNHH Tân Lộc Xanh	1.330.179.240	665.089.620	1.330.179.240	931.125.468
Các đối tượng khác	112.248.298	-	215.989.796	101.536.498
	<u>1.870.768.704</u>	<u>665.089.620</u>	<u>1.974.510.202</u>	<u>1.032.661.966</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	102.731.845.850	112.486.413.975
Công cụ, dụng cụ	295.096.795	310.347.175
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.084.050.824	2.608.487.901
Thành phẩm	74.344.464.838	89.226.245.270
Hàng hoá	1.563.848.441	2.379.929.120
	181.019.306.748	207.011.423.441

Không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải thu/nộp trong kỳ	Số đã thực thu/ nộp trong kỳ	30/6/2015
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	3.750.536.574	14.321.729.650	15.967.672.341	2.104.593.883
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.108.167	-	40.108.167	-
Thuế thu nhập cá nhân	50.936.399	-	28.646.144	22.290.255
Cộng	3.841.581.140	14.321.729.650	16.036.426.652	2.126.884.138
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	28	7.206.338.589	6.683.671.378	522.667.239
Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.306.200	18.429.325	18.339.525	1.396.000
Thuế nhập khẩu	-	950.508.260	950.508.260	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.712.135.361	12.007.605.037	13.121.924.478	6.597.815.920
Thuế thu nhập cá nhân	463.547.283	4.026.429.523	3.682.516.085	807.460.721
Tiền thuê đất	-	2.311.642.356	2.311.642.356	-
Các loại thuế khác	-	18.000.000	18.000.000	-
Cộng	8.176.988.872	26.538.953.090	26.786.602.082	7.929.339.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	180.538.910.675	116.395.482.047	18.981.436.455	2.812.469.033	318.728.298.210
Tăng trong kỳ	10.326.108	1.300.508.830	2.307.078.291	-	3.617.913.229
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản	-	3.813.431.818	-	-	3.813.431.818
Tại ngày 30/6/2015	180.549.236.783	121.509.422.695	21.288.514.746	2.812.469.033	326.159.643.257
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	53.651.113.607	79.338.207.286	10.121.277.199	2.559.811.884	145.670.409.976
Khấu hao trong kỳ	4.634.887.850	6.398.202.946	1.335.554.225	63.351.608	12.431.996.629
Tại ngày 30/6/2015	58.286.001.457	85.736.410.232	11.456.831.424	2.623.163.492	158.102.406.605
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	126.887.797.068	37.057.274.761	8.860.159.256	252.657.149	173.057.888.234
Tại ngày 30/6/2015	122.263.235.326	35.773.012.463	9.831.683.322	189.305.541	168.057.236.652

Như trình bày ở Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp tài sản cố định với tổng giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 7.272.740.183 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 7.574.046.395 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay từ các ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 với giá trị là 62.153.140.795 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 61.429.609.388 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015 và 30/6/2015	19.781.333.802	1.290.635.000	21.071.968.802
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	1.087.818.270	495.263.884	1.583.082.154
Khấu hao trong kỳ	127.453.986	129.063.498	256.517.484
Tại ngày 30/6/2015	1.215.272.256	624.327.382	1.839.599.638
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2014	18.693.515.532	795.371.116	19.488.886.648
Tại ngày 30/6/2015	18.566.061.546	666.307.618	19.232.369.164

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/6/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	6.000.000.000	6.000.000.000
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	422.857.878	319.789.000
	6.422.857.878	6.319.789.000

Phần lợi nhuận phát sinh đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm 2014 và kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 lần lượt là 319.789.000 đồng và 103.068.878 đồng vẫn chưa thực nhận đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	40	40	Khai thác, mua bán, nuôi trồng cây dược liệu, sản xuất cao dược liệu và các sản phẩm chức năng

01/12
 CHI
 CÔN
 HNH
 ELC
 IỆT
 TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang (“OPC Bắc Giang”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 24004498591 ngày 19 tháng 3 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 15.000.000.000 đồng. Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh của OPC Bắc Giang, Công ty nắm giữ 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược OPC Bắc Giang.

14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	3.800.000.000	3.800.000.000
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh	2.750.000.000	2.750.000.000
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam	1.250.000.000	1.250.000.000
Công ty Cổ phần Vật tư Y tế Dược Thái Bình	790.000.000	790.000.000
Công ty Cổ phần Dược & Thiết bị Vật tư Y tế Tuyên Quang	100.000.000	100.000.000
	<u>10.190.000.000</u>	<u>10.190.000.000</u>

Không có khoản dự phòng cần phải trích lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014.

15. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận với sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ này và năm trước:

	Dự phòng phải trả dài hạn khác <u>VND</u>	Lợi nhuận chưa thực hiện <u>VND</u>	Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2014	1.242.927.282	94.808.925	(752.970)	1.336.983.237
Ghi giảm lợi nhuận trong năm	(201.119.977)	57.693.928	(84.510)	(143.510.559)
Tại ngày 31/12/2014	1.041.807.305	152.502.853	(837.480)	1.193.472.678
Ghi giảm lợi nhuận trong kỳ	(17.963.660)	(32.358.272)	837.480	(49.484.452)
Tại ngày 30/6/2015	<u>1.023.843.645</u>	<u>120.144.581</u>	<u>-</u>	<u>1.143.988.226</u>

500-00
NHÂN
G TY
M HỮU
ITTE
NAM
CƠ CẤ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/6/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Tien Yuan Chemical Pte. Ltd	5.976.792.000	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	3.514.094.720	1.545.172.750
Công ty TNHH TM&DV Trang Uyên	1.196.000.000	-
Công ty TNHH TM&DV Hoàng Anh Duy	1.849.370.270	1.370.969.050
Công ty TNHH Nhựa Minh Thanh	1.120.329.430	516.774.522
Phải trả các bên liên quan (xem Thuyết minh 35)	4.551.130.000	4.177.378.350
Phải trả cho các đối tượng khác	12.602.240.056	12.357.354.742
Cộng	<u>30.809.956.476</u>	<u>19.967.649.414</u>

Các khoản phải trả người bán ngắn hạn đều có khả năng trả nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/6/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo, marketing	9.561.044.815	1.333.213.339
Chi phí nghiên cứu	-	438.235.437
Chi phí điện sản xuất	170.017.600	109.359.900
Chi phí lãi vay	-	54.782.585
Chi phí nhượng quyền	569.314.157	-
Chi phí khám sức khỏe định kỳ	619.634.500	-
Chi phí thuê đất	1.483.981.735	-
Chi phí phúc lợi nhân viên	1.876.768.000	-
Khác	814.088.948	828.484.249
	<u>15.094.849.755</u>	<u>2.764.075.510</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	1.622.535.260	1.669.503.697
Bảo hiểm xã hội	14.591.200	7.864.598
Cổ tức	1.033.487.750	26.380.775.350
Phải trả khác	1.208.395.018	359.270.000
Cộng	<u>3.879.009.228</u>	<u>28.417.413.645</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014	Trong kỳ		30/6/2015
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh	4.103.113.236	13.303.063.176	17.406.176.412	-
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	9.412.127.846	4.600.000.000	10.612.127.846	3.400.000.000
- Ngân hàng Thương mại Chinatrust - Chi nhánh Hồ Chí Minh	12.863.030.400	-	12.863.030.400	-
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hàm Nghi	-	11.937.848.200	1.406.578.360	10.531.269.840
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Bình Tây	3.400.000.000	1.800.000.000	3.400.000.000	1.800.000.000
	29.778.271.482	31.640.911.376	45.687.913.018	15.731.269.840

Vào ngày 02 tháng 12 năm 2011, Công ty mẹ ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hàm Nghi) với hạn mức tín dụng là 20.000.000.000 đồng (nay là 30.000.000.000 đồng theo Phụ lục Hợp đồng tín dụng số HM.1289.11/PLHĐTD.01). Khoản tín dụng này có hiệu lực 48 tháng kể từ ngày bên vay nhận khoản vay đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất áp dụng theo hình thức lãi suất thả nổi, nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tại từng lần nhận nợ được quy định trên từng giấy nhận nợ hoặc hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ và bảng kê rút vốn. Công ty sử dụng tài sản cố định để thế chấp cho khoản vay này (Xem Thuyết minh số 11).

Ngày 29 tháng 06 năm 2015 Công ty đã giải ngân theo Kế ước nhận nợ số 01; số tài khoản: 199784179 với lãi suất: 7,3%/năm và có thời hạn 6 tháng theo Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Bình Tây với hạn mức tín dụng là 4.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh và mở bảo lãnh. Tài sản đảm bảo là Chứng thư bảo lãnh của Công ty mẹ và hàng tồn kho bình quân thuộc sở hữu của Công ty con trị giá 6.000.000.000 đồng.

Ngày 03 tháng 04 năm 2015 và 23 tháng 04 năm 2015, Công ty đã giải ngân theo 03 Kế ước nhận nợ: CIXDNI500121, CIXDNI500122, CIXDNI500123 lãi suất 5,95%/năm và có thời hạn 5 tháng theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung với Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) với hạn mức tín dụng là 500.000 Đô la Mỹ nhằm bổ sung vốn lưu động mua nguyên liệu trong nước. Tài sản đảm bảo là các khoản phải thu phát sinh từ các hợp đồng mua bán/hợp đồng thuê tài sản/hợp đồng cung cấp hàng hóa/dịch vụ, các hợp đồng khác và các khoản thanh toán khác phát sinh từ, bao gồm nhưng không giới hạn, việc bán tài sản, khoản chuyển tiền hay thanh toán từ công ty mẹ/công ty liên kết/công ty con hay từ bên thứ ba bất kì.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tất cả các khoản vay ngắn hạn đều có khả năng trả nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014.

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	12.812.161.332	13.028.158.761
Sử dụng quỹ	(5.161.860.000)	(4.725.755.860)
Số dư cuối kỳ	<u>7.650.301.332</u>	<u>8.302.402.901</u>

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phần được phép phát hành (Cổ phần)	19.285.102	19.285.102
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ (Cổ phần)	19.285.102	19.285.102
Mệnh giá cổ phần (đồng)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết cổ đông Nhà nước, cổ đông khác của Công ty và vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông góp tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	Số lượng cổ phiếu và tỷ lệ năm giữ tại ngày 30/6/2015 và 31/12/2014		Vốn đã góp tại ngày 30/6/2015 và 31/12/2014
	Cổ phần	%	VND
Cổ đông Nhà nước - Tổng Công ty Dược	3.562.650	18,47	35.626.500.000
Cổ đông khác	15.722.452	81,53	157.224.520.000
	<u>19.285.102</u>	<u>100</u>	<u>192.851.020.000</u>

100112
CHI
CỔ
TÁCH NH
DELC
VIỆT
1 - TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DNHN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm/kỳ như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	128.568.600.000	72.468.790.783	118.834.039.755	12.856.860.000	29.724.880.827	362.453.171.365
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	65.659.331.644	65.659.331.644
Tăng vốn trong năm	64.282.420.000	(64.282.420.000)	-	-	-	-
Chênh lệch giá bán và giá mua cổ phiếu quỹ	-	472.000.000	-	-	-	472.000.000
Chia lợi nhuận cho liên doanh	-	-	-	-	(205.291.630)	(205.291.630)
Phân phối quỹ	-	-	9.818.106.000	3.272.702.000	(13.090.808.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(6.545.404.000)	(6.545.404.000)
Chia thêm cổ tức năm 2013	-	-	-	-	(6.398.930.000)	(6.398.930.000)
Hoàn nhập cổ tức của cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	59.000.000	59.000.000
Chia cổ tức đợt 1 năm 2014	-	-	-	-	(19.285.102.000)	(19.285.102.000)
Tạm trích cổ tức đợt 2 năm 2014	-	-	-	-	(6.428.618.000)	(6.428.618.000)
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	16.129.562.000	(16.129.562.000)	-	-
Tại ngày 31/12/2014	192.851.020.000	8.658.370.783	144.781.707.755	-	43.489.058.841	389.780.157.379
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	40.052.355.041	40.052.355.041
Chia thêm cổ tức năm 2014	-	-	-	-	(12.856.484.000)	(12.856.484.000)
Chuyển lỗ cho liên doanh	-	-	-	-	1.813.188	1.813.188
Tại ngày 30/6/2015	192.851.020.000	8.658.370.783	144.781.707.755	-	70.686.743.070	416.977.841.608

Theo Nghị quyết số 470/NQ-HĐQT thông qua ngày 05 tháng 5 năm 2015, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phương án chia bổ sung cổ tức bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014 với số tiền là 12.856.484.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/6/2015	31/12/2014
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ ("USD")	255	35

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận theo cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là ngành dược phẩm và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

24. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	354.836.517.804	328.546.120.252
Doanh thu bán nguyên vật liệu	3.610.332.182	7.324.904.111
Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.916.000	299.875.562
	358.519.765.986	336.170.899.925
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	447.060.323	325.825.186
Doanh thu thuần	358.072.705.663	335.845.074.739

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá vốn bán thành phẩm	168.653.130.514	157.131.393.527
Giá vốn bán hàng hóa	3.339.887.930	6.844.588.484
Giá vốn dịch vụ	19.180.546	233.874.664
Giá vốn hàng khuyến mãi	14.049.727.119	15.033.644.256
	186.061.926.109	179.243.500.931



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	150.807.559.819	138.257.388.562
Chi phí nhân công	82.182.932.505	73.770.132.776
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.688.514.113	12.545.607.789
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.876.781.856	13.409.030.842
Chi phí khác	35.626.195.436	42.833.236.765
	<u>303.181.983.729</u>	<u>280.815.396.734</u>

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi tiền gửi	303.847.408	153.801.436
Cổ tức được chia	467.989.000	540.024.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	39.276.603	-
Chiết khấu thanh toán nhận được	3.959.772	-
	<u>815.072.783</u>	<u>693.825.436</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	552.418.059	1.802.965.648
Chiết khấu thanh toán	3.062.083.016	1.308.912.223
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.045.413	7.670.713
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	102.060.873	343.249.495
Hoàn nhập lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(507.910.030)
	<u>3.738.607.361</u>	<u>2.954.888.049</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	12.769.254.091	11.669.740.978
Phí, lệ phí	3.083.524.568	1.595.487.799
Chi phí phúc lợi	2.832.271.500	-
Các chi phí khác	12.421.030.742	12.024.152.265
	<u>31.106.080.901</u>	<u>25.289.381.042</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên bán hàng	50.686.143.399	44.680.107.235
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo, tiếp thị	19.171.230.153	23.056.653.179
Các chi phí khác	16.379.928.269	15.669.640.557
	<u>86.237.301.821</u>	<u>83.406.400.971</u>

30. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Thu nhập từ cho thuê đất	314.363.641	147.909.092
Khác	20.354.545	1.009.801.191
Thu nhập khác	<u>334.718.186</u>	<u>1.157.710.283</u>
Khác	32.096.621	47.458.654
Chi phí khác	<u>32.096.621</u>	<u>47.458.654</u>
Lợi nhuận từ hoạt động khác	<u>302.621.565</u>	<u>1.110.251.629</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.043.415.504	10.918.854.003
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	4.297.700	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.047.713.204	10.918.854.003
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	49.484.452	73.652.350
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.	49.484.452	73.652.350

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế (năm 2014: 22%). Cơ quan thuế đã thanh tra thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty đến hết năm 2010.

Số liệu chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là số liệu tạm tính. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được tính toán vào cuối năm tài chính.

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	40.052.355.041	35.768.566.698
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.005.235.504)	(3.576.856.670)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	36.047.119.537	32.191.710.028
<i>Trong đó:</i>		
- Lỗ chia cho các bên hợp tác liên doanh	(1.813.188)	-
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông phổ thông	36.048.932.725	32.191.710.028
Số lượng cổ phiếu	19.285.102	19.250.516
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.869	1.672

0011
 CHI
 CỔ
 PHẦN
 DƯỢC
 PHẨM
 OPC
 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm được tính từ lợi nhuận sau thuế của kỳ kế toán tương ứng sau khi loại trừ số liệu ước tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi. Số liệu dùng để tạm tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi này là lợi nhuận sau thuế của kỳ kế toán tương ứng nhân với tỷ lệ 10% theo như quy định tại Điều lệ của Công ty mẹ. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở nêu trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai kỳ do Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cũng như các quỹ khác từ lợi nhuận sau thuế của năm 2015.

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.862.968.095	1.378.986.360

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Trong vòng một năm	2.673.588.060	2.757.972.360
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	10.694.352.240	11.031.889.440
Sau năm năm	1.336.794.030	4.136.958.360
	14.704.734.330	17.926.820.160

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả tiền thuê đất tối thiểu mà Công ty phải trả hàng năm cho lô đất tại 1017 đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đến cuối năm 2020.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.484.809.733	39.832.503.811
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.113.266.430	7.113.266.430
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.793.531.251	59.828.605.722
Các khoản ký quỹ	630.548.974	664.281.158
Tổng	<u>140.022.156.388</u>	<u>107.438.657.121</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	15.731.269.840	29.778.271.482
Phải trả người bán và phải trả khác	33.167.939.244	46.877.694.764
Chi phí phải trả	15.094.849.755	2.764.075.510
Tổng cộng	<u>63.994.058.839</u>	<u>79.420.041.756</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán vì Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa và giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo****Quản lý rủi ro tỷ giá***

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	352.188.046	621.406.485	16.508.061.840	13.845.211.400

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ/năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ giảm/tăng với số tiền tương ứng là 323.117.476 đồng (năm 2014: 264.476.098 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này Công ty quản trị bằng cách mua dự trữ các nguyên liệu theo mùa vụ và các nguyên liệu chính.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v.. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
30/6/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.484.809.733	-	46.484.809.733
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.113.266.430	-	7.113.266.430
Phải thu khách hàng và phải thu khác	85.793.531.251	-	85.793.531.251
Các khoản ký quỹ	630.548.974	-	630.548.974
Tổng	140.022.156.388	-	140.022.156.388
Các khoản vay	15.731.269.840	-	15.731.269.840
Phải trả người bán và phải trả khác	33.051.839.244	116.100.000	33.167.939.244
Chi phí phải trả	15.094.849.755	-	15.094.849.755
Tổng	63.877.958.839	116.100.000	63.994.058.839
Chênh lệch thanh khoản thuần	76.144.197.549	(116.100.000)	76.028.097.549



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Dưới 1 năm <u>VND</u>	Từ 1 - 5 năm <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.832.503.811	-	39.832.503.811
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.113.266.430	-	7.113.266.430
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.828.605.722	-	59.828.605.722
Các khoản ký quỹ	664.281.158	-	664.281.158
Tổng	107.438.657.121	-	107.438.657.121
Các khoản vay	29.778.271.482	-	29.778.271.482
Phải trả người bán và phải trả khác	46.707.694.764	170.000.000	46.877.694.764
Chi phí phải trả	2.764.075.510	-	2.764.075.510
Tổng	79.250.041.756	170.000.000	79.420.041.756
Chênh lệch thanh khoản thuần	28.188.615.365	(170.000.000)	28.018.615.365

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau đây với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 <u>VND</u>	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>
OPC Bắc Giang		
Mua nguyên vật liệu	14.676.360.500	12.748.861.000
Lợi nhuận được chia	-	410.694.627

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã chi trả trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 <u>VND</u>	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 <u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	3.709.899.722	4.336.874.857

Số dư với các bên liên quan tại ngày lập bảng cân đối kế toán như sau:

	30/6/2015 <u>VND</u>	31/12/2014 <u>VND</u>
Phải trả người bán		
OPC Bắc Giang	4.551.130.000	4.177.378.350

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC

1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền cổ tức đã trả cho cổ đông trong kỳ không bao gồm số tiền 1.033.487.750 đồng là cổ tức của các năm mà Cổ đông chưa nhận tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tại ngày 30 tháng 6 năm 2014: 757.416.350 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tăng các khoản phải trả.

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 382/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC năm 2015, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phát hành thêm 964.255 cổ phần cho người lao động của Công ty theo Chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn người lao động trong Công ty (gọi tắt là “ESOP”) và Công ty đã được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước bằng công văn số 4661/UBCK-QLPH vào ngày 27 tháng 7 năm 2015.

Tại ngày 06 tháng 8 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 964.255 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần cho Cán bộ Công nhân viên theo chương trình ESOP với giá bán là 12.000 đồng/cổ phần. Theo đó, tổng số tiền Công ty đã thu được là 11.571.060.000 đồng và được Công ty ghi nhận vào vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần với số tiền lần lượt là 9.642.550.000 đồng và 1.928.510.000 đồng. Hiện tại, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục để niêm yết bổ sung các cổ phần phát hành thêm này.

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được phân loại và trình bày lại nhằm mục đích để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

00-00
HÀNH
G TY
N HỮU
ITTE
NAM
HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC1017 Đường Hồng Bàng, Phường 12, Quận 6
TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
<u>Bảng cân đối kế toán</u>				
Chứng khoán kinh doanh	121	-	10.100.000.000	10.100.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	20.290.000.000	(10.100.000.000)	10.190.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-	(2.986.733.570)	(2.986.733.570)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(2.986.733.570)	2.986.733.570	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	380.098.042	1.069.225.908	1.449.323.950
Tài sản ngắn hạn khác	158	1.042.225.908	(1.042.225.908)	-
Tài sản dài hạn khác	268	27.000.000	(27.000.000)	-
Phải thu dài hạn khác	216	-	250.000.000	250.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6.569.789.000	(250.000.000)	6.319.789.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	128.652.145.755	16.129.562.000	144.781.707.755

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại/ Trình bày lại VND	Số sau phân loại/trình bày lại VND
<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u>				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	335.897.829.089	273.070.836	336.170.899.925
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	351.234.350	(25.409.164)	325.825.186
Thu nhập khác	31	1.456.190.283	(298.480.000)	1.157.710.283
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	163.975.982.011	15.267.518.920	179.243.500.931
Chi phí bán hàng	25	98.440.045.227	(15.033.644.256)	83.406.400.971
Chi phí khác	32	281.333.318	(233.874.664)	47.458.654
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.790	(1.118)	1.672



Hồ Thị Hải Vân
Người lập



Nguyễn Thế Đề
Kế toán trưởng




Nguyễn Chí Linh
Tổng Giám đốc
Ngày 21 tháng 8 năm 2015

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

www.deloitte.com/vn

© 2015 Deloitte Việt Nam

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750